

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 3 - 2023
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đới;
2. Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1193/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1962 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 12 năm 2022 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Ánh H chung sống với nhau vào năm 1980, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, nên ông và bà H đã ly thân từ năm 1981 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ông Ngô Văn T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng bà Nguyễn Thị Ánh H vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Ngô Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh H; bà H có hộ khẩu thường trú tại ấp G, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Văn T có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Ánh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Thấy rằng, trong quá trình chung sống, ông Ngô Văn T cho rằng do cuộc sống không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên ông và bà H đã ly thân từ năm 1981 cho đến nay. Mâu thuẫn giữa ông và bà H cũng không được gia đình hai bên và chính quyền địa phương giải quyết. Đối với bà Nguyễn Thị Ánh H, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T nhưng bà H không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ánh H vẫn vắng mặt, chứng tỏ không có thiện chí để hàn gắn với ông T. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng của ông T và bà H không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của ông Ngô Văn T đối với bà Nguyễn Thị Ánh H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Ông Ngô Văn T xác định không có; bà Nguyễn Thị Ánh H không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Ông Ngô Văn T trình bày không có; bà Nguyễn Thị Ánh H không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Ông Ngô Văn T trình bày không có; bà Nguyễn Thị Ánh H không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Ông Ngô Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nhưng ông Ngô Văn T là người cao tuổi (người từ đủ 60 tuổi trở lên theo Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009), do đó căn cứ vào điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T được miễn nộp tiền án phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 12, Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T đối với bà Nguyễn Thị Ánh H về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ánh H.

- Về con chung: Ông Ngô Văn T xác định không có; bà Nguyễn Thị Ánh H không có ý kiến nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ngô Văn T trình bày không có; bà Nguyễn Thị Ánh H không có ý kiến; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông Ngô Văn T được miễn án phí.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đã ký

Trần Thị Kim Thanh